TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 17/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 26/4/2021
V/v tranh chấp ly hôn, giao nuôi con chung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuộng

- *Th- ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Hiền Lương– Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Long- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 353/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày11 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; bà Vũ Thị L1, sinh năm 1945, đều ở địa chỉ: Thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Anh P có mặt, chị D và các bà Lái, Lật đều đề nghị xét xử vắng mặt.

N□I DUNG V□ □N:

** Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc, nguyên đơn chị Vũ Thị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 28 tháng 12 năm 2002. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách, quan điểm sống và cách nuôi dậy con chung. Do mâu thuẫn căng thẳng không thể hòa hợp nên hai bên đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không có hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên chị D đề nghị được ly hôn anh P để có điều kiện tạo lập cuộc sống mới;

Về con chung: Vợ chồng chị D, anh P có một con chung là Hoàng Việt L2, sinh ngày 02/10/2003. Hiện cháu Long đang ở cùng anh P tại xã L, được anh P chăm lo ăn học đầy đủ bằng các bạn cùng tuổi. Cháu L2 có lời khai mong muốn tiếp tục được ở cùng bố để ổn định việc học tập và nơi ở hiện tại. Do vậy, chị D chấp nhận nguyện vọng của cháu L2 và đề nghị Tòa án giao cháu L2 cho anh P được quyền nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu L2 trưởng thành. Chị D tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh P mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi cháu L2 trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Về tài sản chung, riêng, vay nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Hiện chị D không có gì tranh chấp, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

*Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã tiến hành thủ tục giao cho anh P cóc tài liệu là: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thôn báo phiên hòa giải, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên anh P không có mặt trong các buổi hoà giải, không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án với lý do còn bận đi làm ăn;

Tại bản tự khai ngày 03/12/2020, anh P xác định: Anh P và chị D được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 28 tháng 12 năm 2002. Do cuộc sống tạo lên thực tế là nhiều năm vừa qua vợ chồng anh P, chị D sống không hòa hợp hạnh phúc, nhiều năm vợ chồng đã sống ly thân là đúng. Tuy nhiên, hiện do cháu L2 đang học năm cuối cấp 3 nên việc chị D làm thủ tục ly hôn anh P thời điểm này là không phù hợp. Anh mong muốn để cháu L2 học xong cấp 3 thì hai bên giải quyết việc ly hôn. Do hiện anh P không nhất trí ly hôn chị D nên không đề nghị giải quyết giao nuôi con chung và không đề nghị gì về việc giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 09/12/2020, bà Nguyễn Thị L (là mẹ đẻ chị D) và biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2021, bà Vũ Thị L1 (là mẹ đẻ anh P): Xác nhận việc vợ chồng chị D khi hai bên chung sống cùng nhau cuộc sống không hòa thuận hạnh phúc, nhiều năm vừa qua hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm chăm lo gì đến nhau là đúng thực tế.

Theo cung cấp của đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã L và đại diện Lãnh đạo thôn N ngày 25 tháng 12 năm 2021, phản ánh nội dung: Anh P, chị D là công dân của địa phương, đều đang cư trú tại thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 28 tháng 11 năm 2002. Cuộc sống vợ chồng chị D, anh Phúc không được hòa thuận, hạnh phúc, nhiều tháng nay hai bên đã sống ly thân.

Tại phiên tòa:

*Anh P không nhất trí ly hôn chị D vì cần thời gian để cho con chung học xong cấp 3 và yêu cầu chị D phải gặp anh P để thống nhất về cách thức nuôi dậy, chăm sóc giáo dục con chung hàng ngày. Đối với con chung là cháu Hoàng Việt L2 đề nghị Tòa án xử theo quy định của pháp luật, anh P tôn trọng nguyện vọng của cháu L2 đã trình bày với Tòa án. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Anh P không có yêu cầu, đề nghị gì phải xem xét, giải quyết trong vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến: *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. *Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:* Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Hoàng Văn P. Về con chung: Giao cháu Hoàng Việt L2, sinh ngày 02/10/2003 cho anh Hoàng Văn P chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận việc chị Vũ Thị D tự nguyện hàng tháng cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Hoàng Văn P là 1.000.000 đồng đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi); Thời gian giao nuôi con chung và cấp dưỡng tiền nuôi con chung từ tháng 4 năm 2021 đến khi cháu Hoàng Việt L2 trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị Vũ Thị D phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn và án phí sơ thẩm dân sự do có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ theo quy định.

NH□N □□NH C□A T□A □N

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị D có đơn đề nghị vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị D và anh P được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 28 tháng 11 năm 2002 nên đ- ợc xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh P đang cư trú tại xã L, thị xã K nên Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý đơn khởi kiện của chị D là đúng thẩm quyền.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ đơn và yêu cầu của chị D xin ly hôn thì thấy: Qua lời khai của đương sự tại Toà án, cung cấp của đại diện chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú, lời trình bày của đại diện gia đình đương sự và các tài liệu được thu thập trong vụ án phản ánh cuộc sống vợ chồng chị D, anh P nhiều năm vừa qua không được hoà thuận, hạnh phúc, hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất trong cách làm ăn phát triển kinh tế chung, cũng như việc nuôi dậy con chung nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xô sát không thể tự giải quyết được. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng không được cải thiện. Do không chịu đựng được cuộc sống chung nên nhiều năm qua vợ chồng đó sống ly thân, độc lập trong làm ăn kinh tế, không cũn quan tõm chăm sóc gì đến nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc là đúng thực tế. Bản thân anh P đó nhận được thông báo phiên hòa giải, nhưng cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải chứng tỏ anh P cũng không có ý thức mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng chị D, anh P đến nay thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh P là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật;

[3] Về con chung: Vợ chồng chị D, anh P có con chung là Hoàng Việt L2, sinh ngày 02/10/2003. Qua lời trình bày của các đương sự, ý kiến trình bày của cháu L2 và các tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định thực tế nhiều tháng vừa qua cháu L2 đang ở cùng anh P, được chăm lo nuôi dưỡng, học tập ổn định như các bạn cùng tuổi. Cháu L2 mong muốn được ở cùng bố khi bố mẹ ly hôn nên cần xử cho anh P được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L2 là có căn cứ pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu L2.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Để đảm bảo quyền lợi cho cháu L2 nên cần buộc chị D cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho anh P hàng tháng là đúng

quy định. Xét, hiện chị D xuất trình xác nhận lương của chị D tại Công ty nơi chị D đang làm việc với mức lương 5.000.000 đồng/01 tháng nên cần xử chấp nhận việc chị D tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh P hàng tháng là 1.000.000 đồng đến khi cháu L2 trưởng thành (đủ18 tuổi) là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

4] Về tài sản chung, cụng nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Hiện các đương sự không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xem xét, giải quyết về nội dung này trong vụ án là đúng quy định.

[5]Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, chị D phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn và tiền án phí sơ thẩm dân sự do có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUY□T □□NH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Hoàng Văn P.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn P được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Hoàng Việt L2, sinh ngày 02/10/2003.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận việc chị Vũ Thị D tự nguyện hàng tháng cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Hoàng Văn P là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đến khi cháu Hoàng Việt L2 trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Thời gian giao nuôi con chung, cấp dưỡng tiền nuôi con chung từ tháng 4/2021 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

3. Về tài sản chung, cụng nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Không xem xét, giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị D phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự do cú nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ, nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003973 ngày 13/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Chị Vũ Thị D còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Toà án báo cho anh P biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án, báo cho chị D biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án ds tx Kinh Môn;
- UBND xã L
- Lưu hồ sơ, V.P

T/M. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Phạm Anh Tuyết